

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Giang Văn Thảo

Bà Dương Thị Hồng Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tất Thành - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thu T, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Đ, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn Đ, đặc khu C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Thủy trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân T1 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải (nay là đặc khu Cát Hải), thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 10 năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống hai bên hạnh phúc được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2021, giữa

hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cả hai không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã và bất đồng quan điểm làm cho gia đình luôn căng thẳng. Hai bên đã ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm tình cảm với nhau nữa. Nay, chị xác định tình cảm giữa hai người không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, do đó chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Xuân L, sinh ngày 04/12/2004 đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết, cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 10/5/2011 khi ly hôn chị đề nghị giao cháu cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng do cháu Hoà đang còn đi học và ở với bố. Về cấp dưỡng nuôi con chị xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T1 tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/8/2025, bị đơn anh Nguyễn Xuân T1 trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với việc trình bày của chị T về hoàn cảnh, thời gian kết hôn, thời gian chung sống cũng như nguyên nhân mâu thuẫn gia đình như chị T trình bày, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn nên việc chị T có yêu cầu giải quyết ly hôn, quan điểm của anh cũng thuận tình ly hôn. Về con chung: Anh nhất trí với đề nghị của chị T. Về cấp dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nghề nghiệp hiện tại là lao động tự do, thu nhập trung bình hàng tháng là 10.000.000 đồng. Đối với Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập anh T1 đều đã được nhận, tuy nhiên do công việc bận nên không thể có mặt tại Tòa án.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ ở địa phương, gia đình, qua các thông tin của chính quyền địa phương và gia đình thể hiện: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Xuân T1 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải (nay là đặc khu Cát Hải), thành phố Hải Phòng vào ngày 04 tháng 10 năm 2004. Trong quá trình chung sống hai bên đương sự phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và cách sống khác biệt nhau, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã vì bất đồng quan điểm sống. Hiện nay cả hai bên anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2021. Về con chung chị T và anh T1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân L, sinh ngày 04/12/2004 và cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 10/5/2011 hiện đang sinh sống với bố tại gia đình bên nội. Về tài sản chung của hai bên phía chính quyền không có thông tin.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề vắng mặt tại phiên tòa và xin giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng phát biểu ý kiến như sau:

Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T về việc ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án về Ly hôn trong đó bị đơn có nơi cư trú tại Thôn Đôn Lương, đặc khu Cát Hải, thành phố Hải Phòng, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hải Phòng.

[2] Về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án: Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án, thu thập tài liệu chứng cứ, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên hoà giải nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, Toà án đã lập biên bản về việc không hoà giải được, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Chị T và anh T1 có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đây là quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống do hai bên có những bất đồng quan điểm sống, do tính cách sống của hai vợ chồng không có điểm chung, bên cạnh đó khó khăn về kinh tế dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh, chị đã sống ly thân từ năm 2021 mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của bị đơn, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 chung là cháu Nguyễn Xuân L, sinh ngày 04/12/2004 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 10/5/2011, nguyên đơn có yêu cầu giao cháu H cho bị đơn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên

đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị T và anh T1 sống ly thân với nhau từ năm 2020. Các con chung hiện nay đều chung sống với anh T1. Anh T1 hiện đang làm nghề tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng và cháu H có đơn trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố. Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về con chung của nguyên đơn. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, các bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T, chị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân H, sinh ngày 10/5/2011 cho anh Nguyễn Xuân T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi về người trực tiếp nuôi con, về cấp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo biên lai thu tiền số 0000751 ngày 17 tháng 7 năm 2025. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND khu vực 4 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hải Phòng;
- UBND đặc khu Cát Hải;
- (Đăng ký kết hôn ngày 04/10/2004);*
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Như Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Như Quỳnh

